

BỘ TÀI CHÍNH-ỦY BAN  
DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ  
TRẺ EM  
Số: 95/2002/TTLT/BTC-  
UBDSGDTE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2002

## THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

### *Hướng dẫn nội dung và mức chi*

#### *Chương trình mục tiêu quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình.*

*Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2001- 2010;*

*Căn cứ Quyết định số 71/2001/QĐ-TTg ngày 04/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2001-2005;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 1 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình đến năm 2005;*

*Căn cứ Quyết định số 42/2002/QĐ-TTg ngày 19/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý và điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Liên Bộ Tài chính - Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em hướng dẫn nội dung và mức chi của các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số Kế hoạch hóa gia đình (sau đây gọi tắt là Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình như sau:*

### **A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**1.** Đối tượng thực hiện Thông tư liên tịch này là các đơn vị sử dụng kinh phí của Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

**2.** Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình gồm 7 Dự án được quy định tại Quyết định số 18/2002/QĐ-TTg ngày 21 tháng 1 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình đến năm 2005, cụ thể như sau:

Dự án Truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi.

Dự án Tăng cường dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản kế hoạch hóa gia đình cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Tiểu dự án Hoàn thiện hệ thống tin quản lý chuyên ngành dân số thuộc dự án Nâng cao chất lượng thông tin và dữ liệu về dân số.

Dự án Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chất lượng dân số.

Dự án Lồng ghép yếu tố dân số với phát triển gia đình bền vững, thông qua hoạt động tín dụng, tiết kiệm và phát triển kinh tế gia đình.

Dự án Nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình.

Dự án Chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình.

3. Kinh phí của Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình được hình thành từ các nguồn: Vốn ngân sách nhà nước (kể cả vốn vay bằng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và viện trợ nước ngoài), vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn thu theo quy định của Nhà nước. Các nguồn kinh phí trên được quản lý và sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước và theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

4. Ngoài các nội dung và mức chi được quy định trong Thông tư liên tịch này; tùy theo khả năng và tình hình cụ thể, các Bộ, ngành, địa phương chủ động huy động thêm các nguồn lực để thực hiện các chế độ, chính sách của Bộ, ngành, địa phương nhằm đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu của Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

## **B. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **I. NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHUNG CỦA CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH**

1. Chi viết, biên soạn và dịch tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của từng Dự án, mức chi cụ thể như sau:

Chi viết, biên soạn tài liệu chuyên môn nghiệp vụ: Mức chi tối đa không quá 50.000 đồng/trang tiêu chuẩn 300 từ.

Dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: Mức chi tối đa không quá 40.000 đồng/trang tiêu chuẩn 300 từ.

Dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt: Mức chi tối đa không quá 35.000 đồng/trang tiêu chuẩn 300 từ.

2. Chi cho các lớp đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ của từng Dự án. Mức chi theo quy định của chế độ chi tiêu hội nghị, tập huấn hiện hành.

3. Chi đào tạo, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm ở ngoài nước do Chủ nhiệm Chương trình quyết định. Mức chi theo quy định của chế độ công tác phí ngắn hạn ở nước ngoài hiện hành.

4. Mua phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động chuyên môn của từng dự án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
5. Chi khảo sát, đánh giá và giám sát định kỳ việc thực hiện các mục tiêu chuyên môn của từng dự án.
6. Chi cho các cuộc điều tra theo nội dung chuyên môn của từng dự án đã được Chủ nhiệm chương trình phê duyệt. Nội dung và mức chi cụ thể được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 114/20001/TT-BTC ngày 27/11/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chi các cuộc điều tra thuộc nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước.
7. Chi vốn đối ứng trong nước (nếu có) của các dự án vốn vay ODA, viện trợ nước ngoài đã được quy định trong Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ các nước hoặc các tổ chức quốc tế.
8. Các khoản chi khác (nếu có).

## **II. NỘI DUNG CHI ĐẶC THÙ CỦA TỪNG DỰ ÁN**

Ngoài những nội dung chi chung nêu trên, từng dự án được chi những nội dung đặc thù sau:

### **1. Dự án Truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi.**

1.1. Chi hoạt động truyền thông - giáo dục chuyển đổi hành vi của các Bộ, Ban, ngành Trung ương và các cấp địa phương (tỉnh, huyện, xã); chi in ấn phẩm, tài liệu và các biểu mẫu phục vụ cho hoạt động truyền thông, chi hoạt động giáo dục, tuyên truyền. Mức chi cho công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (trên đài phát thanh, truyền hình, báo chí) theo mức giá quy định của Nhà nước.

1.2. Chi xây dựng mới, duy trì và mở rộng các mô hình can thiệp truyền thông có hiệu quả ở các xã điểm theo quyết định phê duyệt của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số- Gia đình và Trẻ em.

1.3. Chi xây dựng và sản xuất, nhân bản và phát hành các loại sản phẩm truyền thông (bao gồm cả Báo Gia đình và Xã hội cấp miễn phí cho các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn).

1.4. Chi khen thưởng cho các cuộc thi viết bài về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số- Gia đình và Trẻ em quyết định:

Thưởng bài viết hay: loại A: 300.000 đồng/bài; loại B: 200.000 đồng/bài; loại C: 100.000 đồng/bài.

Thưởng ảnh đẹp: loại A: 100.000 đồng/ảnh; loại B: 80.000 đồng/ảnh; loại C: 50.000 đồng/ảnh.

1.5. Chi chiến dịch truyền thông ở xã: Chi điều tra nhận thức về dân số - kế hoạch hóa gia đình: Bồi dưỡng cho đối tượng điều tra, in ấn phiếu điều tra, tổng hợp số liệu, viết báo cáo điều tra. Mức chi: 300.000 đồng/chiến dịch/xã.

Chi bồi dưỡng cán bộ tham gia chiến dịch: 5.000 đồng/người/ngày.

Chi phí trang trí và thuê phương tiện vận chuyển: Theo giá thị trường tại địa phương.

1.6. Chi cho các hoạt động truyền thông tại xã:

Chi hỗ trợ tài liệu, nước uống nhóm tư vấn nhỏ: 20.000 đồng/nhóm.

Truyền thanh xã (biên tập, phát thanh): 10.000 đồng/bài (100 từ).

Sửa chữa Pa nô, khẩu hiệu: Theo giá thị trường tại địa phương.

Nói chuyện chuyên đề: 30.000 đồng/người/buổi (4 giờ).

1.7. Chi mua trang thiết bị phục vụ hoạt động truyền thông sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **2. Dự án Tăng cường dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.**

2.1. Chi mua trang thiết bị, dụng cụ kế hoạch hóa gia đình theo danh mục thống nhất giữa Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em và Bộ Y tế.

2.2. Chi chiến dịch tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình:

Chi bồi dưỡng cho cán bộ tham gia chiến dịch và tư vấn: 5.000 đồng/người/ngày.

Chi trang trí và thuê phương tiện vận chuyển: theo giá thị trường tại địa phương.

Chi hỗ trợ thảo luận nhóm: 20.000 đồng/nhóm.

2.3. Chi mua thuốc thiết yếu cho các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và điều trị phụ khoa theo định mức thuốc thiết yếu và các vật liệu tiêu hao để phòng chống nhiễm khuẩn trong các thủ thuật kế hoạch hóa gia đình do Bộ Y tế ban hành sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính. Ngoài ra, triệt sản nam được cấp miễn phí một lần 20 chiếc bao cao su và được chẩn đoán thai sớm miễn phí cho người vợ; triệt sản nữ được chẩn đoán thai sớm miễn phí.

2.4. Chi phí quản lý và kỹ thuật (sổ khách hàng, phiếu theo dõi, biểu mẫu thống kê; xà phòng, điện, dầu,...) cho: Triệt sản nữ: 4.000 đồng/ca; triệt sản nam: 3.000 đồng/ca; đặt vòng: 2.000 đồng/ca; nạo thai: 3.000 đồng/ca, hút thai dưới 6 tuần: 1.500 đồng/ca (cho các trường hợp áp dụng các biện pháp tránh thai lâm sàng bị vỡ kế hoạch).

2.5. Chi phụ cấp cho cán bộ y tế làm thủ thuật, phẫu thuật kế hoạch hóa gia đình theo quy định tại Thông tư liên Bộ số 150/TT-LB ngày 16/4/1996 của liên Bộ Ban tổ chức - Cán bộ Chính phủ- Bộ Tài chính - Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện Quyết định số 794/TTg ngày 05/12/1995 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp cán bộ y tế đã hưởng phụ cấp phẫu thuật từ nguồn kinh phí Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thì không được hưởng từ nguồn kinh phí thường xuyên của các cơ sở y tế ngược lại nếu hưởng phụ cấp từ nguồn kinh phí thường xuyên của các cơ sở y tế thì không được hưởng phụ cấp từ nguồn kinh phí Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

2.6. Chi thù lao cho cán bộ y tế thực hiện khám thai: 1.000 đồng/người/ca.

2.7. Chi thù lao cho cán bộ y tế thực hiện tiêm uốn ván cho phụ nữ mang thai: 1000 đồng/liều

2.8. Chi làm phiếu đồ âm đạo: 10.000 đồng/phiên đồ

2.9. Chi xét nghiệm soi tươi: 3000 đồng/tiêu bản.

2.10. Chi mua viên sắt cấp miễn phí cho phụ nữ mang thai: 1000 đồng/người.

2.11. Chi mua gói đồ sạch: 5000 đồng/gói.

### **3. Tiểu dự án Hoàn thiện hệ thống tin quản lý chuyên ngành dân số thuộc dự án Nâng cao chất lượng thông tin và dữ liệu về dân số:**

3.1. Chi thu thập, cập nhật thông tin đầu vào của hệ thống tin quản lý chuyên ngành dân số 500 đồng/phiếu. Chi thu thập, cập nhật thông tin biến động hàng tháng: 200 đồng/phiếu.

3.2. Chi in ấn phiếu, biểu mẫu báo cáo.

3.3. Chi cho các hoạt động tạo lập thông tin điện tử: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 111/1998/TT-BTC ngày 03/8/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập tin điện tử thuộc công nghệ thông tin.

3.4. Chi hoạt động truyền tin theo khung giá quy định của Tổng công ty Bưu chính viễn thông.

3.5. Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên và bảo trì hệ thống máy tính.

### **4. Dự án Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chất lượng dân số.**

4.1. Chi hoạt động nghiên cứu: Chi nghiên cứu khoa học gắn với nội dung của Dự án theo đề cương nghiên cứu đã được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em duyệt. Mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 45/2001/TTLT-BTC-BKHCNMT ngày 18/6/2001 của liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn một số chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4.2. Chi mua trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, hóa chất phục vụ cho các hoạt động của đề tài.

4.3. Chi cho thực nghiệm và xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dân số.

### **5. Dự án Lồng ghép yếu tố dân số với phát triển gia đình bền vững, thông qua hoạt động tín dụng, tiết kiệm và phát triển kinh tế gia đình:**

5.1. Chi xây dựng mô hình lồng ghép dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình: với phát triển gia đình bền vững ở xã sau khi được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em phê duyệt đề án.

5.2. Chi bồi dưỡng, tập huấn ở xã cho cán bộ tuyên truyền, giáo dục nhằm thay đổi hành vi để xây dựng gia đình chuẩn mực: 5000 đồng/người/ngày.

5.3. Chi hỗ trợ sinh hoạt nhóm theo chuyên đề tại xã: 20.000 đồng/nhóm/lần.

5.4. Chi sản xuất, nhân bản tài liệu truyền thông đặc thù bằng các thứ tiếng dân tộc ít người.